TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/07/2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU – TỈNH ĐỒNG NAI

-T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng Quyên
Bà Phan Thị Thu Thảo

- T ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm – T ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2023/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/05/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST – HNGĐ ngày 28/06/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị V, sinh năm 1987.
Địa chỉ T ờng trú: Tổ H, ấp B, xã P, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
Chổ ở hiện nay: ấp P, xã H, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tảu.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nhưng, sinh năm 1985.
Địa chỉ T ờng trú: Tổ H, ấp B, xã P, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
(Bà Hồ Thị Vcó đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Nguyễn Văn Nvắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Hồ Thị Vtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 136/TLKH-BS ngày 16/6/2016. Thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng tốt đẹp và hạnh phúc, tuy nhiên từ tháng 01/2023 đến nay giữa bà và ông N liên tục

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N là người gia trưởng, thiếu sự tôn trọng đối với vợ nên vợ chồng không hiểu nhau, T ờng xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, cả hai đã không còn tiếng nói chung. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đỗ vỡ, bà đã nhiều lần cố gắng hòa giải mong ông N thay đổi Nkhông có kết quả. Cả hai đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm với chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T , sinh ngày 01/06/2011 và cháu Nguyễn Tấn T1 , sinh ngày 13/04/2016. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Tấn T1 ; giao cháu Nguyễn Anh T cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục vì hiện tại cháu T1 đang sống cùng bà, còn cháu T đang ở với ông N; về cấp dưỡng thì không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện để yêu cầu nuôi cháu T1 bà cam kết bà đủ điều kiện vì hiện tại bà đang có công việc tự do ổn định với mức lương được trả là 300.000đ/1 ngày.

Về tài sản chung: Bà Hồ Thị V khai hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Hồ Thị V khai hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Lời khai của bị đơn ông Nguyễn Văn N:* Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Nông Nvẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không có văn bản giải trình, không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa. Vì vậy, không có lời trình bày.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:*

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Bà V và ông N trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T , sinh ngày 01/06/2011 và cháu Nguyễn Tấn T1 , sinh ngày 13/04/2016. Do cháu Nguyễn Tấn T1 hiện đang sinh sống cùng với bà Vđồng thời cháu T1 cũng có bản tự khai có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu Nguyễn Anh T có bản tự khai muốn ở cùng với ông Nguyễn Văn N nên yêu cầu về nuôi con của bà Vcó căn cứ để chấp nhận. Về cấp dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn, bà V xác định vợ chồng không có tài sản chung; Nợ chung vợ chồng bà không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do ông N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án

chưa ghi nhận được ý kiến của ông N, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Hồ Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ trong đơn khởi kiện và biên bản xác minh tại Công an xã P, huyện Vĩnh Cửu cung cấp thông tin ông N đang sinh sống tại địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa Nbị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Bà Hồ Thị V và ông Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 136/TLKH-BS ngày 16/6/2016, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng bà V xác định giữa bà và ông N phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông N thường xuyên rượu chè, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ tháng 01 năm 2023 tới nay mâu thuẫn của vợ chồng càng trầm trọng hơn, hai vợ chồng không sống chung với nhau và không ai quan tâm chăm sóc cho ai nên tình cảm vợ chồng vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án hòa giải Nông N vẫn không đến Tòa án để làm việc như vậy thể hiện ông N không quan tâm đến hôn nhân với bà V. Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông N tại nơi cư trú, được địa phương

cung cấp thông tin bà V và ông N sinh sống tại địa phương xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do o ong N rượt chè, nhậu nhẹt và bà Vchuyển đi nơi khác sinh sống. Như vậy, lời trình bày của bà Vvà các tài liệu chứng cứ thể hiện bà V và ông N xảy ra mâu thuẫn, hiện không chung sống với nhau, kết quả xác minh tại địa phương phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Vvà ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu của bà V xin ly hôn với ông N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Bà Hồ Thị V và ông Nguyễn Văn N trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T , sinh ngày 01/06/2011 và cháu Nguyễn Tấn T1 , sinh ngày 13/04/2016. Do cháu Nguyễn Tấn T1 hiện đang sinh sống cùng với bà Vđồng thời cháu T1 cũng có bản tự khai có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu Nguyễn Anh T có bản tự khai muốn ở cùng với ông Nguyễn Văn N. Hai bên không có ý kiến tranh chấp nên yêu cầu về nuôi con của bà Vcó căn cứ để chấp nhận. Về cấp dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.2] Về con chung: bà Vvà ông Ncó 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T , sinh ngày 01/06/2011 và cháu Nguyễn Tấn T1 , sinh ngày 13/04/2016. Ly hôn bà V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T1 , tự nguyện giao cháu T cho ông N nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "2. *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Xét thấy, bà V trình bày và kết quả xác minh tại địa phương thì ông N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và bà V đang nuôi dưỡng cháu T1 ; Hiện nay cháu T và cháu T1 trên 07 tuổi, cháu T có nguyện vọng muốn ở với ông N và cháu T1 có nguyện vọng được ở với bà V. Ông N không lên Tòa làm việc, không ghi nhận được nguyện vọng của ông N về việc nuôi con chung, Nđể đảm bảo cuộc sống của cháu T và cháu T1 được ổn định, việc xem xét để ai trực tiếp nuôi con cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa T1 niên nên Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho bà V, giao cháu T cho ông Nđược tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà V, ông N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông N, bà V thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai

bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không cấp dưỡng nuôi con chung, ông N không lên Tòa làm việc và không ghi nhận được nguyện vọng của N nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị V khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên. Do ông Nguyễn Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông N, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xet giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Hồ Thị Vphải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị V về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Văn N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Vđược ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn T1 , sinh ngày 13/04/2016 cho bà Hồ Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Nguyễn Anh

T , sinh ngày 01/6/2011 cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà V, ông N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trợ. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị V phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005034 ngày 17/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà Hồ Thị V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh;
- VKSND huyện VC;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu.

Nguyễn Mạnh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Mì **Nguyễn Ngọc Anh** **Đồng Thị Hồng**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 06/12/2021,
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Anh.
Ông Lê Văn Mì.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2021/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2021/QĐST – HNGĐ ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T ơng, sinh năm 1974.
- Bị đơn: Ông Trương T1 Long, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Nguyễn Thị T ơng có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Trương T1 Long vắng mặt không có lý do).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: Bà Nguyễn Thị T ơng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương T1 Long; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà T ơng là nguyên đơn còn ông Long là bị đơn trong vụ án.

- Ông Trương T1 Long có địa chỉ cư trú hiện nay tại số: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Long tại địa chỉ này, Nông Long vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa. Ngoài ra, bà T ơng cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 06/12/2021. Do đó, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà T ơng và ông Long.

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Bình.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: Xét yêu cầu ly hôn của bà T ơng là có cơ sở chấp nhận vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu T ơng, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng, trong quá trình chung sống bà T ơng xác nhận cả hai chỉ hạn phúc được thời gian đầu, sau đó thì T ờng xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn hạnh phúc nguyên nhân là ông Long thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ con, dẫn đến cả hai không tôn trọng và không còn yêu T ơng giữa chồng với vợ, cuộc sống và mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Biên bản xác minh UBND xã Thạnh Phú thì giữa bà Nguyễn Thị T ơng và ông Trương T1 Long có đăng ký kết hôn theo quy định, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra như thề nào thì do các đương sự không yêu cầu hòa giải nên địa phương không nắm. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh của Công an xã Thạnh Phú thì hiện nay ông Trương T1 Long vẫn đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, trong quá trình làm việc, mặc dù ông Long đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án

nhiều lần, Nđều cố ý vắng mặt, thể hiện việc không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, phó mặc cho bà Nguyễn Thị T ơng tiến hành thủ tục ly hôn tại Tòa án. Như vậy, có thể thấy việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa ông Long và bà T ơng là có thật, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T ơng được ly hôn với ông Trương T1 Long.

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Anh.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: Không xem xét giải quyết do con đã trưởng T1 và có khả năng lao động.

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Mì.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: bà T ơng xác định tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận; Nợ chung vợ chồng bà không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên. Do ông Trương T1 Long vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Long, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Anh.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: Bà Nguyễn Thị T ơng phải nộp 300.000đ án phí.

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Anh.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: Bà Nguyễn Thị T ơng và ông Trương T1 Long có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Mì.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 06 tháng 12 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T1 viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

T1 VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mì **Nguyễn Ngọc Anh** **Đồng Thị Hồng**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Đồng Thị Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**